

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1696 /VP-HCTC
V/v triển khai tự chấm điểm để
xác định Chỉ số CCHC tại
Văn phòng UBND tỉnh

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 12 năm 2017

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số: <u>23.12</u>
	Ngày: <u>15.12.17</u>
	Chức vụ:

Kính gửi:

- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trưởng các phòng, ban;
- Giám đốc các đơn vị trực thuộc .

Thực hiện Công văn số 2169/SNV-CCHC ngày 28/11/2017 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định chỉ số CCHC các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; Văn phòng UBND tỉnh triển khai như sau:

1. Căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số cải cách hành chính cấp sở, kèm theo Công văn số 2169/SNV-CCHC ngày 28/11/2017 của Sở Nội vụ; Lãnh đạo Văn phòng, Trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh tổ chức triển khai cho công chức thuộc đơn vị mình tiến hành tự đánh giá và chấm điểm (theo phụ lục số 1 và phụ lục số 02); đồng thời kèm theo các tài liệu kiểm chứng (báo cáo, kế hoạch, thông báo, quyết định..) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm. Gửi phòng Hành chính - Tổ chức trước ngày 25/12/2017.

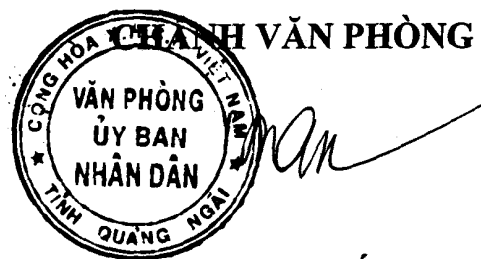
2. Phòng Hành chính - Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm phần công việc thuộc lĩnh vực được phân công; xây dựng báo cáo tổng hợp chung của Văn phòng, tham mưu Chánh Văn phòng ban hành, gửi Sở Nội vụ trước ngày 30/12/2017.

(Gửi kèm bản photocopy Công văn số 2169/SNV-CCHC ngày 28/11/2017 của Sở Nội vụ).

Đề nghị các đồng chí lãnh đạo Văn phòng và yêu cầu Trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh quan tâm và khẩn trương thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nội vụ;
- VPUB: Ban TVĐU, BCH: Công đoàn, Chi đoàn TN, Hội CCB, CBTH;
- Lưu: VT, HCTC (02b).



Lê Minh Huân

Số: 2169/SNV-CCHC

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 11 năm 2017

V/v hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

VĂN PHÒNG UBND TỈNH QUẢNG NGÃI gửi:

Chuyển: PHCTC
Ngày: 01.12.2017

Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Thực hiện Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi” (gọi tắt là Quyết định số 529/QĐ-UBND), Sở Nội vụ hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh (gọi tắt là cấp sở); Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi tắt là cấp huyện) về việc tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính (gọi tắt là Chỉ số CCHC) cấp sở, cấp huyện hàng năm như sau:

1. Về tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí (TC), tiêu chí thành phần (TCTP)

- Căn cứ vào kết quả cải cách hành chính thực tế đạt được, các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiến hành tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP trên cơ sở xem xét, đối chiếu với các tiêu chuẩn hoặc yêu cầu và cách chấm điểm tương ứng với từng TC, TCTP nêu tại Phụ lục 1 và phụ lục 2 (gửi kèm theo).

- Không tự đánh giá, chấm điểm đối với các TC đánh giá qua điều tra xã hội học và TCTP 1.2.2 quy định tại Bảng 1 và Bảng 2 kèm theo Quyết định số 529/QĐ-UBND.

- Khi các tiêu chuẩn đánh giá quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng một văn bản khác thì được áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Về tài liệu kiểm chứng

- Việc tự đánh giá, chấm điểm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phải gửi kèm theo các tài liệu kiểm chứng (như: báo cáo, kế hoạch, thông báo, quyết định...) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định mức độ tin cậy của việc tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP.

- Ngoài việc cung cấp các tài liệu kiểm chứng được liệt kê tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2, các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có thể bổ sung các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có) đủ độ tin cậy để chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP.

- Đối với các TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương giải trình rõ về cách đánh giá, tính điểm.

- Tài liệu kiểm chứng được gửi đến Sở Nội vụ bằng hình thức văn bản giấy (kèm theo Báo cáo tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm) hoặc gửi bằng file điện tử (bản scan của văn bản giấy) vào địa chỉ email của phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ (trung09.qn@gmail.com). Việc sắp xếp các tài liệu kiểm chứng phải bảo đảm tính khoa học, tạo thuận lợi cho việc tra cứu, thẩm định.

3. Về báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của các các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Nội dung báo cáo:

Sau khi tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP được liệt kê tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng báo cáo gửi Sở Nội vụ để tổng hợp theo quy định. Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm TC, TCTP Chỉ số CCHC cần có các nội dung sau:

+ Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo mẫu gửi kèm tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2;

+ Các tài liệu kiểm chứng gửi kèm để phục vụ cho công tác thẩm định (bao gồm cả văn bản, do lãnh đạo cấp sở, cấp huyện ký, giải trình về việc tự đánh giá, chấm điểm đối với những TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng);

+ Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

b) Thời gian gửi báo cáo:

Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phải do lãnh đạo cấp sở, cấp huyện ký và gửi đến Sở Nội vụ chậm nhất là ngày 30 tháng 12 hàng năm để tổng hợp.

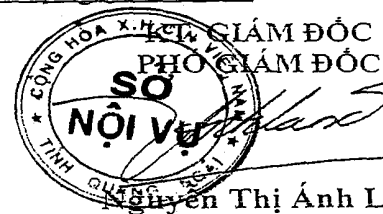
4. Về kinh phí triển khai

Đề nghị các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quan tâm bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ xác định Chỉ số CCHC hàng năm thuộc phạm vi trách nhiệm của đơn vị.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Nội vụ về công tác tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để kịp thời giải quyết. Địa chỉ liên hệ: Phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ; điện thoại: 0255.3718788 hoặc 0914800819; email: trung09.qn@gmail.com.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, CCHC.



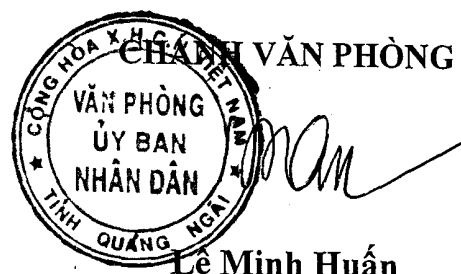
UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
VĂN PHÒNG

Số: 1349/SY- VP

Nơi nhận:

- VPUB: BTV Đảng ủy, CVP, PCVP, các phòng nghiên cứu, Ban tiếp công dân, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, HCTC.

SAO Y BẢN CHÍNH
Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 12 năm 2017





HƯỚNG DẪN
HẠM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN
CỦA SỞ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP SỞ, CẤP HUYỆN

Công văn số 2169/ SNV-CCHC ngày 28/11/2017 của Sở Nội vụ)

St t	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
I Đánh giá kết quả CCHC của cấp sở, cấp huyện			
1.	TCTP 1.1.1 - Ban hành Kế hoạch CCHC	Kế hoạch CCHC năm	- Yêu cầu kế hoạch CCHC của cấp sở, cấp huyện ban hành trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch (gọi tắt là năm ban hành);
2.	TCTP 1.1.2 - Chất lượng Kế hoạch CCHC	Kế hoạch CCHC năm	- Yêu cầu kế hoạch: Phải xác định đầy đủ 6 nội dung CCHC theo quy định; kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ trong Kế hoạch phải cụ thể, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm. - Nếu chất lượng kế hoạch đạt như yêu cầu thì điểm đánh giá là 0,5; không đạt như yêu cầu thì điểm đánh giá là 0.
3.	TCTP 1.1.3 - Mức độ hoàn thành Kế hoạch CCHC	- Báo cáo CCHC năm; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
4.	TCTP 1.2.1 - Báo cáo CCHC định kỳ	Các Báo cáo CCHC định kỳ	- Yêu cầu: + Số lượng báo cáo: Có đầy đủ 04 báo cáo theo quy định. + Nội dung báo cáo: Tất cả báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định. + Tất cả báo cáo phải được gửi đến Sở Nội vụ đúng thời hạn theo quy định của từng loại báo cáo (văn bản giấy hoặc văn bản điện tử). - Nếu công tác báo cáo của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện: Đáp ứng đủ tất cả các yêu cầu trên thì điểm đánh giá là 1; không đáp ứng một trong các yêu cầu trên thì điểm đánh giá là 0.
5.	TCTP 1.3.1 - Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp sở, cấp huyện và đơn vị HC cấp xã được kiểm tra trong năm	Các thông báo, báo cáo kết quả kiểm tra.	Tính tỷ lệ % số cơ quan chuyên môn cấp sở, cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã được kiểm tra CCHC trong năm so với tổng số cơ quan chuyên môn cấp sở, cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Từ 20% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.
6.	TCTP 1.3.2- Xử lý các vấn	- Các thông báo kết luận kiểm tra;	Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so

St t	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	đề phát hiện qua kiểm tra	- Các văn bản xử lý theo thẩm quyền hoặc đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra.	với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
7.	TCTP 1.4.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	- Kế hoạch tuyên truyền CCHC; - Các báo cáo CCHC định kỳ; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).	- Kế hoạch có thể được ban hành riêng hoặc lồng ghép với kế hoạch CCHC năm. - Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: * Đối với cấp sở: + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; + Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; + Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0. * Đối với cấp huyện: + 100% thì điểm đánh giá là 0,5; + Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,25; + Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.
8.	TCTP 1.4.2 - Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	- Các báo cáo CCHC định kỳ; - Cung cấp các đường link tới các tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên website; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).	- Nếu tuyên truyền CCHC cả ba hình thức sau: (1) Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) Đăng tải thông tin CCHC trên website của sở; (3) Tuyên truyền CCHC trên Đài phát thanh - truyền hình của huyện, thì điểm đánh giá là 0,5; - Ngoài các hình thức trên, nếu tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong số các hình thức khác, như: Tổ chức cuộc thi: tọa đàm; sân khấu hóa..., thì điểm đánh giá được cộng thêm là 0,5; - Nếu không thực hiện tuyên truyền về CCHC thì điểm đánh giá là 0.
9.	TC 1.5 - Sáng kiến trong cải cách hành chính	- Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền; - Trường hợp có sáng kiến nhưng chưa được công nhận của cơ quan có thẩm quyền, đề nghị báo cáo UBND tỉnh để được xem xét, ghi nhận.	- Sáng kiến (của tập thể/cá nhân) trong CCHC được hiểu là những giải pháp, cách làm mới, lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai CCHC của cơ quan, đơn vị. - Sáng kiến có thể được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc được UBND tỉnh xem xét, ghi nhận. - Nếu có sáng kiến thì điểm đánh giá là 1; không có sáng kiến thì điểm đánh giá là 0.

St t	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
10	TC 1.6 - Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, các Bộ, ngành, UBND tỉnh giao trong năm	Các Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.	Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao:1,5 Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ: 1 Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao:0
11	TCTP 2.1.1 - Xây dựng VBQPPL trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	- Danh mục VBQPPL dự kiến ban hành trong năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; - Báo cáo kết quả xây dựng VBQPPL; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).	Tổng kê tổng số VBQPPL dự kiến ban hành trong năm và số VBQPPL đã được ban hành. Nếu tỷ lệ % giữa số VBQPPL đã được ban hành so với tổng số VBQPPL dự kiến ban hành trong năm đạt: * Cấp sở: - 100% thì điểm đánh giá là 2; - Từ 90% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 90% thì điểm đánh giá là 0. * Cấp huyện: - 100% thì điểm đánh giá là 1,5; - Từ 90% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 80% - dưới 90% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0,5 - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.
12	TCTP 2.1.2 - Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp.	Tổng kê tổng số VBQPPL đã được ban hành trong năm: * Cấp sở: Nếu 100 % số văn bản đã được xây dựng theo đúng trình tự, thủ tục quy định thì điểm đánh giá là 0,5; dưới 100% số văn bản thì điểm đánh giá là 0. * Cấp huyện: Nếu 100 % số văn bản đã được xây dựng theo đúng trình tự, thủ tục quy định thì điểm đánh giá là 0,5; dưới 100% số văn bản thì điểm đánh giá là 0.
13	TCTP 2.2.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của đơn vị	- Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật; - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: * Cấp Sở: - 100% thì điểm đánh giá là 1,5; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0. * Cấp huyện: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.

St t	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
14	TCTP 2.2.2 - Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị gửi cấp có thẩm quyền	- Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ. - Thời gian báo cáo: Trước ngày 15 tháng 10 hàng năm. - Nếu nội dung và thời gian báo cáo đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.
15	TCTP 2.2.3 - Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	- Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật; - Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua theo dõi thi hành pháp luật.	Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua theo dõi thi hành pháp luật (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt: * Cấp sở: - 100% thì điểm đánh giá là 1,5; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0. * Cấp huyện: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
16	TCTP 2.3.1 - Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL của tỉnh	- Nội dung báo cáo phải đầy đủ theo quy định tại Khoản 3. Điều 170. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ. - Thời gian báo cáo: Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm; - Nếu nội dung và thời gian báo cáo đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 0,5; không đúng theo quy định trên thì điểm đánh giá là 0.
17	TCTP 2.3.2 - Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	- Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL - Các văn bản công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực; cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới.	Tính tỷ lệ % giữa số VBQPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý so với tổng số VBQPPL phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau khi rà soát. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
18	TCTP 2.4.1 - Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	Báo cáo công tác kiểm tra, xử lý VBQPPL	- Nội dung báo cáo phải đầy đủ theo quy định tại Khoản 3. Điều 135. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ. - Thời gian báo cáo: Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm. - Nếu nội dung và thời gian báo cáo đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 0,5; không đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 0.
19	TCTP 2.4.2 -	- Các thông báo	Tính tỷ lệ % giữa số văn bản trái pháp luật đã được xử

St t	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra	kết luận kiểm tra; - Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với văn bản trái pháp luật.	lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý so với tổng số văn bản trái pháp luật được phát hiện qua kiểm tra (không tính tự kiểm tra). Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
20	TCTP 2.5.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra	Các báo cáo kết luận kiểm tra	- Hoàn thành 100% thì điểm đánh giá là 1; - Hoàn thành dưới 100% thì điểm đánh giá là 0;
21	TCTP 2.5.2 - Kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra	Các báo cáo kiểm tra và Báo cáo tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra	- Đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; - Không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0;
22	TCTP 3.1.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	- Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC; - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC.	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: * Cấp sở: - 100% thì điểm đánh giá là 1,5; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0. * Cấp sở: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
23	TCTP 3.1.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC; - Các văn bản xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.	Tính tỷ lệ % giữa số TTHC đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý so với tổng số TTHC cần phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau khi rà soát. Nếu tỷ lệ này đạt 100% thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.
24	TCTP 3.2.1 - Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ và quy định của tỉnh	Các quyết định công bố thủ tục hành chính	- Thống kê tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp được ban hành trong năm. Nếu 100% số TTHC được công bố kịp thời thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% số TTHC được công bố kịp thời thì điểm đánh giá là 0.

St t	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
25	TCTP 3.2.2 - Cập nhật TTHC và các văn bản quy định về TTHC	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh.	- Tính tỷ lệ % giữa số TTHC được cập nhật kịp thời so với tổng số TTHC do tỉnh công bố trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt 100% thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.
26	TCTP 3.3.1 - Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp sở và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Báo cáo của cơ quan, đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp và Sở Nội vụ.	- Yêu cầu niêm yết công khai đối với TTHC là phải đầy đủ thông tin (các bộ phận cấu thành TTHC), đúng quy định (thường xuyên, rõ ràng, đúng địa chỉ, dễ tiếp cận, dễ khai thác, dễ sử dụng). * Cấp sở: - Đầy đủ, đúng quy định thì đánh giá là 1; - Không đầy đủ hoặc không đúng quy định thì là 0. * Cấp huyện: - Thông kê tổng số cơ quan chuyên môn cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị). Tính tỷ lệ % giữa số cơ quan, đơn vị công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả so với tổng số cơ quan, đơn vị. Nếu tỷ lệ này đạt: + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; + Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; + Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
27	TCTP 3.3.2- Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp huyện và đơn vị hành chính cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.	Báo cáo của huyện và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Nội vụ.	- Yêu cầu công khai đối với TTHC là phải đầy đủ thông tin (các bộ phận cấu thành TTHC), đúng quy định (thường xuyên, rõ ràng, đúng địa chỉ, dễ tiếp cận, dễ khai thác, dễ sử dụng). - Nếu 100% số cơ quan chuyên môn cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% số cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 0.
28	TCTP 3.3.2; 3.3.3 - Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang thông tin điện tử của sở, huyện	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Nội vụ.	Nếu 100% số hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp trên địa bàn tỉnh được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.

St t	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
29	TC 3.4- Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn	Báo cáo của đơn vị	Nếu 100% số hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp sở được giải quyết đúng hạn theo quy định thì điểm đánh giá là 1,5; từ 95% đến dưới 100% thì điểm đánh giá là 1; dưới 95% thì điểm đánh giá là 0.
30	TCTP 3.4.1; 3.5.1 - Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp sở, cấp huyện	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp và Sở Nội vụ.	- Yêu cầu: Tổ chức thực hiện đầy đủ các hình thức, quy trình tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP và Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ. * Cấp sở: - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. * Cấp huyện: - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.
31	TCTP 3.4.2; 3.5.2 - Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp sở, cấp huyện	- Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền. - Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý các PAKN.	Tính tỷ lệ % giữa số PAKN đã được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý so với tổng số PAKN đã tiếp nhận trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 90% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 90% thì điểm đánh giá là 0.
32	TC 4.1 - Tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành và của tỉnh về tổ chức bộ máy	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	- Yêu cầu: Việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc sở; phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện phải tuân thủ đầy đủ, đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành và của tỉnh. - Nếu 100 % số cơ quan, đơn vị nêu trên thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 1,5; dưới 100% số cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 0.
33	TCTP 4.2.1 - Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc sở; cơ quan chuyên môn cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã được kiểm tra	- Thông báo kết luận kiểm tra - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)	Tính tỷ lệ % số cơ quan, đơn vị thuộc sở; cơ quan chuyên môn cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã được kiểm tra trong năm so với tổng số cơ quan, đơn vị thuộc sở; cơ quan chuyên môn cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Từ 20% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.
34	TCTP 4.2.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	- Các thông báo kết luận kiểm tra - Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị	Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt:

St t	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra.	- 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
35	TCTP 4.3.1 - Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành, UBND tỉnh ban hành	Các văn bản triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được Trung ương, tỉnh phân cấp.	- Yêu cầu: Thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ và các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành và UBND tỉnh về phân cấp quản lý nhà nước. - Nếu thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; không thực hiện đầy đủ hoặc không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.
36	TCTP 4.3.2 - Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp sở, cấp huyện, cấp xã	- Các thông báo kết luận kiểm tra; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).	- Yêu cầu: Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp theo quy định. - Nếu có thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 1; không thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0.
37	TCTP 4.3.3 - Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	- Các thông báo kết luận kiểm tra; - Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
38	TCTP 5.1.1 - Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của sở; cơ quan chuyên môn thuộc huyện thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	- Các văn bản quy định bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; - Báo cáo của đơn vị, địa phương về việc bố trí công chức theo vị trí việc làm.	- Các cơ quan, tổ chức hành chính của sở, cơ quan chuyên môn thuộc huyện phải thực hiện đúng các quy định sau: + Hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; + Bố trí công chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với từng vị trí. - Nếu tỷ lệ % số cơ quan, tổ chức thực hiện đúng các quy định trên so với tổng số cơ quan, tổ chức hành chính của đơn vị đạt: + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; + Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0,25;

St t	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
39	TCTP 5.1.2 - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc sở, thuộc huyện thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản phê duyệt danh mục vị trí việc làm tại các đơn vị sự nghiệp công lập; - Các văn bản quy định bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; - Báo cáo của đơn vị về việc bố trí viên chức theo vị trí việc làm. 	<p>+ Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, thuộc huyện phải thực hiện đúng các quy định sau: + Phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm; + Hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; + Bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí. - Nếu tỷ lệ % số đơn vị thực hiện đúng các quy định trên so với tổng số đơn vị sự nghiệp trực thuộc đạt: + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; + Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0,25; + Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.
40	TCTP 5.2.1; 5.2.2 - Thực hiện quy định về bố trí sau tuyển dụng công chức, viên chức tại cơ quan chuyên môn thuộc sở; tuyển dụng công chức tại cơ quan chuyên môn, viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện và công chức cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Các quyết định phân công công tác của cá nhân, bộ phận ... - Các thông báo tuyển dụng, người đủ điều kiện dự tuyển; - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng...). 	<ul style="list-style-type: none"> - Việc bố trí sau tuyển dụng đối với công chức, viên chức tại các đơn vị thuộc sở; tuyển dụng công chức tại cơ quan chuyên môn, viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện, công chức cấp xã (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. * Cấp sở: - Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; - Không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. * Cấp huyện: - Nếu 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; dưới 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tuyển dụng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất.
41	TCTP 5.3.1; 5.3.2 - Thực hiện quy định về nâng ngạch, xếp ngạch công chức; về thi, xét thăng hạng viên chức	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông báo nâng ngạch, người đủ điều kiện; - Các văn bản liên quan đến tổ chức nâng ngạch, xếp ngạch (thành lập hội đồng, phê 	<ul style="list-style-type: none"> - Việc tổ chức nâng ngạch, xếp ngạch công chức; thi/xét thăng hạng viên chức theo thẩm quyền (hoặc được ủy quyền) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tổ chức thi nâng ngạch thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ thi gần nhất.

St t	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		duyet kết quả, quyết định bổ nhiệm ngạch...).	
42	TC 5.4 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương	- Các quyết định bổ nhiệm; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).	- Việc bổ nhiệm phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn và cơ cấu số lượng theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Thống kê tổng số lãnh đạo cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm trong năm. Nếu 100% số lãnh đạo được bổ nhiệm đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% số lãnh đạo được bổ nhiệm đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.
43	TC 5.5 - Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức	Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của đơn vị, địa phương	- Yêu cầu: Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ và UBND tỉnh. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.
44	TC 5.6 - Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế trong năm	- Kế hoạch năm về tinh giản biên chế; - Báo cáo năm về kết quả tinh giản biên chế.	- Yêu cầu: Các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế trong từng năm; gửi danh sách đối tượng tinh giản biên chế và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đến Sở Nội vụ và Sở Tài chính đúng thời gian quy định tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị và Nghị định số 108/2015/NĐ-CP của Chính phủ. * Cấp sở: - Nếu tỷ lệ % số người được phê duyệt tinh giản biên chế so với tổng số người dự kiến tinh giản biên chế theo kế hoạch đạt: + 100% thì điểm đánh giá là 2; + Từ 70% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 1; + Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0. * Cấp huyện: + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 70% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.5; + Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0
45	TCTP 5.7.1 - Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	- Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.	- Nội dung báo cáo phải đầy đủ theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh. - Thời gian báo cáo: Trước ngày 31 tháng 01 hàng năm. - Nếu nội dung và thời gian báo cáo đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.
46	TCTP 5.7.2 - Mức độ hoàn thành kế	- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt:

St t	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	chức, viên chức; - Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị	- 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 70% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
47	TCTP 5.8.1 - Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	Tính tỷ lệ % giữa số công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ so với tổng số công chức cấp xã. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.
48	TCTP 5.8.2 - Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	Tính tỷ lệ % giữa số cán bộ cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ so với tổng số cán bộ cấp xã. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.
49	TCTP 5.8.3 - Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	Tính tỷ lệ % giữa số cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng trong năm so với tổng số cán bộ, công chức cấp xã (không tính số lượt). Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 70% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.
50	TC 6.1 - Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính.	- Yêu cầu: Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đúng theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ. - Nếu thực hiện đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 1; không thực hiện đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 0.
51	TCTP 6.2.1 - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị được triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính	Thông kê tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. Nếu 100% số đơn vị đã triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% số đơn vị thì điểm đánh giá là 0.
52	TCTP 6.2.2 - Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính	Nếu số đơn vị sự nghiệp trực thuộc tự bảo đảm chi thường xuyên của năm đánh giá tăng so với số lượng của năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 1; không tăng so với số lượng của năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 0.

St t	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	thường xuyên		
53	TCTP 6.2.3 - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính	<p>Thống kê tổng số đơn vị sự nghiệp trực thuộc đủ điều kiện vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản khác có liên quan.</p> <p>Nếu tỷ lệ % giữa số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp so với tổng số đơn vị đủ điều kiện đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.
54	TCTP 6.2.2; 6.2.4 - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính	<p>Nếu 100% số đơn vị sự nghiệp (đã triển khai cơ chế tự chủ) thực hiện đúng quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm:</p> <p>* Cấp sở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% số đơn vị thực hiện đúng thì điểm đánh giá là 1; - dưới 100% số đơn vị thực hiện đúng thì điểm đánh giá là 0. <p>* Cấp huyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% số đơn vị thực hiện thì điểm đánh giá là 0,5; - dưới 100% số đơn vị thực hiện đúng thì điểm đánh giá là 0.
55	TCTP 7.1.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch ứng dụng CNTT của đơn vị; - Báo cáo năm về kết quả ứng dụng CNTT của đơn vị 	<p>Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0
56	TCTP 7.1.2; 7.1.4 – Tỷ lệ Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc huyện sử dụng phần mềm quản lý văn bản	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông.	<p>Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc huyện biết sử dụng phần mềm quản lý và điều hành trong xử lý công việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đạt 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.
57	TCTP 7.1.2; 7.1.3 - Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và	<p>Tính tỷ lệ % giữa số văn bản đi được phát hành dưới dạng điện tử so với tổng số văn bản đi của các cơ quan chuyên môn thuộc sở, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Nếu tỷ lệ này đạt:</p>

St t	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	Truyền thông.	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 80% trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 50% - dưới 60% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.
58	TCTP 7.1.3; 7.1.4 - Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản giữa các cơ quan nhà nước	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ.	<p>* Cấp sở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã kết nối, liên thông thì điểm đánh giá là 1; - Chưa thực hiện thì điểm đánh giá là 0. <p>* Cấp huyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã thì điểm đánh giá là 1; - Nếu đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp huyện thì điểm đánh giá là 0.5; - Nếu chưa thực hiện kết nối liên thông thì điểm đánh giá là 0.
59	TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông.	<p>Thống kê tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm của tất cả các dịch vụ công được triển khai cung cấp trực tuyến mức độ 3. Nếu tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC đã được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 40% trở lên thì điểm đánh giá là 1,5; - Từ 30% - dưới 40% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 20% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 20% hoặc chưa triển khai cung cấp dịch vụ công mức độ 3 thì điểm đánh giá là 0.
60	TCTP 7.2.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông.	<p>Thống kê tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm của tất cả các dịch vụ công được triển khai cung cấp trực tuyến mức độ 4. Nếu tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC đã được xử lý trực tuyến mức độ 4 so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1,5; - Từ 20% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 10% - dưới 20% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 10% hoặc chưa triển khai cung cấp dịch vụ công mức độ 4 thì điểm đánh giá là 0.
61	TCTP 7.2.3 - Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của các sở, ngành liên quan.	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thực hiện đúng các quy trình nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; chưa thực hiện hoặc không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.
62	TCTP 7.3.1 - Cơ quan chuyên môn	Các quyết định công bố Hệ thống quản lý chất	<p>* Cấp sở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ban hành thì điểm đánh giá là 1; - Không ban hành thì điểm đánh giá là 0.

St t	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	thuộc sở, đơn vị hành chính cấp huyện công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	lượng	<p>* Cấp huyện: Tính tỷ lệ % giữa số cơ quan chuyên môn cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng so với tổng số cơ quan chuyên môn cấp huyện và đơn vị hành chính cấp xã. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.
63	TCTP 7.3.2 - Tỷ lệ cơ quan chuyên môn thuộc sở, đơn vị hành chính cấp xã công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	Các quyết định công bố Hệ thống quản lý chất lượng	<p>Tính tỷ lệ % giữa số cơ quan chuyên môn thuộc sở, đơn vị hành chính cấp xã đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng so với tổng số cơ quan chuyên môn thuộc sở, đơn vị hành chính cấp xã. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>* Cấp sở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 90% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0. <p>* Cấp huyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.
64	TCTP 7.3.3 - Tỷ lệ cơ quan chuyên môn thuộc sở, thuộc huyện, đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định	Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ	<p>- Yêu cầu: Thực hiện việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo đúng quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Chỉ đánh giá đối với những cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu tỷ lệ % giữa số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng so với tổng số cơ quan, đơn vị đã công bố đạt: + 100% thì điểm đánh giá là 0,5; + Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,25; + Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.
65	TCTP 8.1.1 - Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện được thực hiện theo cơ chế một cửa	Báo cáo của huyện, thành phố và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	<p>Thông kê tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn cấp huyện. Nếu tỷ lệ % giữa số TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn cấp huyện đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.

St t	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
66	TCTP 8.1.2 - Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa	Báo cáo của huyện, thành phố và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	Tính tỷ lệ % giữa số đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa so với tổng số đơn vị hành chính cấp huyện. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1,5; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.
67	TCTP 8.1.3 - Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa	Báo cáo của huyện, thành phố và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	Tính tỷ lệ % giữa số đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã (Không tính các xã thuộc huyện đảo). Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1,5; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.
68	TCTP 8.1.4 - Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	Báo cáo của huyện, thành phố và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	Nếu số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông đạt: - Từ 50 TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 1,5; - Từ 30 - 49 TTHC thì điểm đánh giá là 1; - Từ 20- 29 TTHC thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 20 TTHC thì điểm đánh giá là 0.
69	TC 8.2 - Huyện có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại	Báo cáo của huyện và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	Về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại; nếu huyện, thành phố: - Đã thực hiện thì điểm đánh giá là 1; - Đã có kế hoạch nhưng chưa thực hiện thì điểm đánh giá là 0,5; - Chưa có, hoặc chưa phê duyệt thì điểm đánh giá là 0.
70	TCTP 8.3.1 - Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp huyện có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Báo cáo của huyện và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	Tính tỷ lệ % giữa số cơ quan chuyên môn cấp huyện có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn so với tổng số cơ quan chuyên môn cấp huyện. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá 0,25; - Dưới 80% thì điểm đánh giá 0.
71	TCTP 8.3.2 -	Báo cáo của	Tính tỷ lệ % giữa số đơn vị hành chính cấp xã có 100%

St t	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	huyện và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá 0,25; - Dưới 80% thì điểm đánh giá 0.
II Đánh giá tác động của cải cách hành chính			
72	TC 1.1 - Mức độ thu hút đầu tư của huyện	- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm đánh giá và năm trước liền kề:	Thông kê tổng số vốn thu hút đầu tư của huyện trong năm (đơn vị tính là: tỷ đồng). Nếu tổng số vốn thu hút đầu tư của huyện trong năm đánh giá: - Cao hơn so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 1,5; - Bằng so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 1; - Thấp hơn so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 0.
73	TC 1.2 - Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	Báo cáo số liệu thống kê của huyện	Thông kê tổng số doanh nghiệp thành lập mới tăng lên so với năm trước liền kề. Nếu tỷ lệ % giữa số doanh nghiệp thành lập mới tăng lên so với tổng số doanh nghiệp thành lập mới của năm trước liền kề đạt: - Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1,5; - Từ 10% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 10% thì điểm đánh giá là 0.

MẪU TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP SỞ

(Kèm theo Công văn số 2169/SNV-CCHC ngày 28/11/2017 của Sở Nội vụ)

ỦY BAN NHÂN DÂN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM..... CỦA

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (số ký hiệu và ngày ban hành văn bản)
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CỦA SỞ, NGÀNH		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC		
1.1	Kế hoạch CCHC năm		
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch (trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)		
	Ban hành kịp thời: 0,5		
	Ban hành không kịp thời: 0		
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC		
	Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ: 0,5		
	Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ: 0		
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC		
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1		
	Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5		
	Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25		
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0		
1.2	Thực hiện công tác báo cáo CCHC		
1.2.1	Báo cáo CCHC định kỳ		
	Đáp ứng yêu cầu về số lượng, nội dung và thời gian báo cáo theo hướng dẫn: 1		
	Không đáp ứng yêu cầu về số lượng hoặc nội dung hoặc thời gian báo cáo theo hướng dẫn: 0		
1.2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC		
	Điểm tự chấm chính xác 100% so với kết quả thẩm định: 1		
	Điểm tự chấm sai số không quá 3% so với kết quả thẩm định: 0,5		
	Điểm tự chấm sai số trên 3% so với kết quả thẩm định: 0		
1.3	Kiểm tra công tác CCHC		
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc sở (phòng, ban, chi cục và tương đương) được kiểm tra trong năm		
	Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1		
	Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5		

	<i>Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0</i>		
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>		
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>		
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>		
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>		
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC		
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>		
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>		
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25</i>		
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>		
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC		
	<i>Thực hiện tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các kênh truyền thống: 0,5</i>		
	<i>Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0,5</i>		
1.5	Sáng kiến trong cải cách hành chính		
	<i>Có sáng kiến mới trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của bộ trong năm: 1</i>		
	<i>Không có sáng kiến: 0</i>		
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, các Bộ, ngành, UBND tỉnh giao trong năm		
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao: 1,5</i>		
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ: 1</i>		
	<i>Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao: 0</i>		
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THỂ CHẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ		
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở		
2.1.1	Xây dựng VBQPPL trong năm theo Kế hoạch		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 2</i>		
	<i>Hoàn thành từ 90% - dưới 100% kế hoạch: 1</i>		
	<i>Hoàn thành dưới 90% kế hoạch: 0</i>		
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL		
	<i>100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 1</i>		
	<i>Dưới 100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 0</i>		
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật		

2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của sở		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1,5</i>		
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 1</i>		
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,5</i>		
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>		
2.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật		
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5</i>		
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>		
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1,5</i>		
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>		
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>		
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>		
2.3	Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL		
2.3.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL		
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5</i>		
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>		
2.3.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>		
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>		
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>		
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>		
2.4	Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật		
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL		
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5</i>		
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>		
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>		
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>		

	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25		
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0		
2.5	Kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở		
2.5.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra		
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1		
	Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0		
2.5.2	Kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra		
	Đúng quy định: 1		
	Không đúng quy định: 0		
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		
3.1	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính		
3.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính		
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1,5		
	Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 1		
	Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,5		
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0		
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát		
	100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1		
	Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0		
3.2	Công bố, cập nhật thủ tục hành chính		
3.2.1	Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ và của UBND tỉnh		
	Công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan: 1		
	Công bố không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0		
3.2.2	Cập nhật kịp thời các quy định về TTHC mới ban hành, bổ sung, sửa đổi để trình UBND tỉnh công bố		
	Kịp thời: 1		
	Không kịp thời: 0		
3.3	Công khai thủ tục hành chính		
3.3.1	Niên yết công khai TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC thuộc sở		
	Đầy đủ, đúng quy định: 1		
	Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0		
3.3.2	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang thông tin điện tử của sở		
	100% số TTHC: 1		
	Dưới 100% số TTHC: 0		
3.4	Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định		
	100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 1,5		

	Từ 95% - Dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 1		
	Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0		
3.5	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở		
3.5.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở		
	Thực hiện đúng quy định: 0,5		
	Không thực hiện đúng quy định: 0		
3.5.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở		
	100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1		
	Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5		
	Dưới 90% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0		
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH		
4.1	Tuân thủ các quy định của cấp có thẩm quyền về tổ chức bộ máy		
	Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1,5		
	Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0		
4.2	Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc sở (phòng, ban, chi cục và tương đương)		
4.2.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc sở (phòng, ban, chi cục và tương đương) được kiểm tra trong năm		
	Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1		
	Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5		
	Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0		
4.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1		
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5		
	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25		
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0		
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý		
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ, Bộ, ngành và UBND tỉnh ban hành		
	Thực hiện đầy đủ các quy định: 1		
	Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0		
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở đã phân cấp cho các đơn vị trực thuộc		

	<i>Có thực hiện: 1</i>		
	<i>Không thực hiện: 0</i>		
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>		
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>		
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>		
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>		
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC		
5.1	<i>Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</i>		
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của sở thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt		
	<i>100% số cơ quan, tổ chức: 1</i>		
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, tổ chức: 0,5</i>		
	<i>Từ 60% - dưới 80% số cơ quan, tổ chức: 0,25</i>		
	<i>Dưới 60% số cơ quan, tổ chức: 0</i>		
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc sở thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt		
	<i>100% số đơn vị: 1</i>		
	<i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0,5</i>		
	<i>Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: 0,25</i>		
	<i>Dưới 60% số đơn vị: 0</i>		
5.2	<i>Tuyển dụng, bố trí và sử dụng công chức, viên chức</i>		
5.2.1	Thực hiện bố trí công chức đã được tuyển dụng theo đúng quy định của vị trí việc làm		
	<i>Đúng quy định: 1</i>		
	<i>Không đúng quy định: 0</i>		
5.2.2	Thực hiện quy định về bố trí, sử dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở		
	<i>Đúng quy định: 1</i>		
	<i>Không đúng quy định: 0</i>		
5.3	<i>Thực hiện các quy định về nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền</i>		
5.3.1	Thực hiện quy định về nâng ngạch công chức		
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>		
	<i>Không đúng quy định: 0</i>		
5.3.2	Thực hiện quy định về thăng hạng viên chức		
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>		
	<i>Không đúng quy định: 0</i>		
5.4	<i>Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương</i>		

	100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 1		
	Dưới 100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0		
5.5	Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức		
	Đúng quy định: 1		
	Không đúng quy định: 0		
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch tình giãn biên chế trong năm		
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 2		
	Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 1		
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0		
5.7	Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức		
5.7.1	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức		
	Đúng quy định: 0,5		
	Không đúng quy định: 0		
5.7.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức		
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1		
	Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0,5		
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0		
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG		
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính		
	Đúng quy định: 1		
	Không đúng quy định: 0		
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở		
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
	100% số đơn vị: 1		
	Dưới 100% số đơn vị: 0		
6.2.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm		
	100% số đơn vị: 1		
	Dưới 100% số đơn vị: 0		
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH		
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của sở		
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT		
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1		
	Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5		
	Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25		
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0		
7.1.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị dưới dạng điện tử		

	Từ 80% số văn bản trở lên: 1		
	Từ 60% - dưới 80% số văn bản: 0,5		
	Từ 50% - dưới 60% số văn bản: 0,25		
	Dưới 50% số văn bản: 0		
7.1.3	Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản giữa các cơ quan nhà nước		
	Đã kết nối, liên thông: 1		
	Chưa thực hiện kết nối, liên thông: 0		
7.1.4	Tỷ lệ Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc sở sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trong xử lý công việc		
	100% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: 1		
	Từ 80% - dưới 100% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: 0,5		
	Dưới 80% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: 0		
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến		
7.2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3		
	Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,5		
	Từ 30% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: 1		
	Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0,5		
	Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0		
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4		
	Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,5		
	Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 1		
	Từ 10% - dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0,5		
	Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0		
7.2.3	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích		
	Đúng quy định: 0,5		
	Không đúng quy định: 0		
7.3	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008		
7.3.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 tại cơ quan sở		
	Có ban hành: 1		
	Không ban hành: 0		
7.3.2	Tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc sở (phòng, ban và tương đương) đã công bố hệ thống quản lý chất lượng ISO tại đơn vị		
	100% số cơ quan: 1		
	Từ 90% - dưới 100% số cơ quan: 0,5		
	Dưới 90% số cơ quan: 0		
7.3.3	Tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định		
	100% số cơ quan: 1		
	Từ 80% - dưới 100% số cơ quan: 0,5		
	Dưới 80% số cơ quan: 0		
TỔNG ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ			